

Số: 1223 /BC-UBND

Nhơn Trạch, ngày 13 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo Quý IV/2023 trên địa bàn huyện Nhơn Trạch

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, UBND huyện Nhơn Trạch báo cáo kết quả thực hiện công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo Quý IV/2023 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD, 02/TCD)

a) Kết quả tiếp công dân:

Tổng số 148 lượt tiếp, số người được tiếp 148; số vụ việc (trong đó, 148 lượt tiếp lần đầu, 00 số lượt tiếp nhiều lần).

- Kết quả tiếp công dân của Chủ tịch UBND huyện: 14 lượt với 14 người.

- Kết quả tiếp công dân thường xuyên của cơ quan, đơn vị: 134 lượt với 134 người được tiếp; số vụ việc. Nhận 53 đơn.

- Kết quả tổ chức đối thoại với công dân của lãnh đạo: số lượt 01; số người 19; vụ việc cụ thể đối thoại giải quyết đơn khiếu nại 02.

- Kết quả tiếp đoàn đông người: 00.

b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân:

- Phân loại theo nội dung (tổng số đơn, số vụ việc):

+ Khiếu nại 00;

+ Tố cáo 00;

+ Phản ánh, kiến nghị: 53.

- Phân loại theo thẩm quyền giải quyết:

+ Thuộc thẩm quyền 53 (số đơn, số vụ việc);

+ Không thuộc thẩm quyền 00 (số đơn, số vụ việc).

* Riêng đối với cấp xã:

- Kết quả: tiếp công dân định kỳ, đột xuất của Chủ tịch UBND cấp xã: 205 lượt với số người 205. Tiếp dân thường xuyên: 271 lượt với 271 người.

- Kết quả giải quyết đơn: Tổng số đơn đã tiếp nhận là 144 đơn (kỳ trước chuyển sang là 22 đơn, nhận mới 102), giải quyết 126 đơn, đang giải quyết 18 đơn. Nội dung chủ yếu: kiến nghị việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng vị trí sử dụng, không đúng ranh đất thực tế, thiếu diện tích đất; tranh chấp quyền sử dụng đất; bồi thường, tái định cư.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD)

a) Tổng số đơn đã tiếp nhận là 341 đơn. Số đơn đã xử lý trên tổng số đơn tiếp nhận: 341/341; Trong đó:

- Nhận mới 212 đơn (nhận trực tiếp 53 đơn; Bruu điện 103 đơn; cấp trên chuyển đến 38 đơn và tờ trình của UBND xã: 18 đơn);

- Đơn chưa xử lý kỳ trước chuyển sang là 129 đơn (02 đơn khiếu nại, 01 đơn tố cáo, 126 đơn phản ánh, kiến nghị).

- Số đơn, số vụ việc đủ điều kiện xử lý: 293.

- Đơn không đủ điều kiện xử lý (trùng lặp): 48.

b) Phân loại, xử lý đơn: 293 đơn

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn, số vụ việc khiếu nại 03;

+ Số đơn, số vụ việc tố cáo 01;

+ Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh 289

- Phân loại theo tình trạng giải quyết

+ Số đơn, số vụ việc đã giải quyết 00;

+ Số đơn, số vụ việc đang giải quyết 129;

+ Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết 164.

- Phân loại theo thẩm quyền:

+ Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 233;

+ Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 60.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ)

Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc phải giải quyết là: 02/03 đơn khiếu nại, đạt 66,7%, tố cáo đạt 01/01, đạt 100%; 144/229 đơn phản ánh kiến nghị, đạt 53,6%.

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ):

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết trên số vụ việc phải giải quyết: 02/03; tỷ lệ giải quyết 66,7% (trong đó 00 đơn liên quan đến đất đai, bồi thường).

- Tổng hợp quyết định giải quyết khiếu nại đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, chuyển cơ quan điều tra: 00;

- Phân tích kết quả giải quyết: 02 đơn

+ Người có thẩm quyền đã ban hành 00 quyết định đình chỉ giải quyết do qua giải thích, vận động, thuyết phục, người khiếu nại tự nguyện rút đơn khiếu nại;

+ Đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu: Tổng số 02 quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; kết quả: 00 đơn khiếu nại đúng (00%); 02 đơn khiếu nại sai (100%), 00 đơn khiếu nại đúng một phần 00 (00%)

+ Đối với các vụ việc khiếu nại lần hai: Tổng số quyết định giải quyết khiếu nại lần hai (00 quyết định công nhận quyết định giải quyết lần đầu (khiếu nại sai), 00 quyết định hủy quyết định giải quyết lần đầu (khiếu nại đúng), 00 quyết định sửa quyết định giải quyết lần đầu (khiếu nại đúng một phần)).

Việc chấp hành thời hạn giải quyết khiếu nại: Trong 02 đơn đã giải quyết, có 02 đơn giải quyết đúng hạn, 00 đơn giải quyết không đúng thời hạn quy định.

- Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại: 02 quyết định phải thực hiện, 02 quyết định đã thực hiện xong. Qua thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại, đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm (nêu rõ mức xử lý), đã khởi tố 00.

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ)

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc phải giải quyết 01/01, tố cáo sai, đạt 100%.

Việc chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo: Trong 00 đơn đã giải quyết, có 00 đơn giải quyết đúng hạn, 00 đơn giải quyết không đúng thời hạn quy định).

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh (nếu có)

Tổng số vụ việc, nội dung kiến nghị: Tổng số đã giải quyết/tổng số vụ việc phải giải quyết: 144/229 (trong đó, 229 đơn liên quan đến đất đai, bồi thường do thu hồi đất để thực hiện dự án; 00 đơn liên quan tham nhũng). Tồn đang giải quyết 85 đơn.

4. Bảo vệ người tố cáo (nếu có): Không có.

5. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

- Công tác tiếp công dân đã được UBND huyện, các phòng ban chuyên môn của UBND huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện nghiêm túc, đảm bảo theo quy định của Luật Tiếp công dân. Số lượng, chất lượng tiếp công dân của Chủ tịch UBND huyện tiếp tục được nâng lên, góp phần làm giảm phát sinh đơn thư trên địa bàn.

- Việc phân loại đơn trước khi thụ lý được triển khai và thực hiện tốt, đảm bảo đơn thụ lý đúng loại, đúng thẩm quyền. Công tác giải quyết đơn áp dụng đúng trình tự thủ tục giải quyết đối với từng loại đơn, quá trình giải quyết luôn thể hiện tính dân chủ, công khai...

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực của một số, cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế, chưa thực sự chủ động báo cáo khó khăn, đề xuất xử lý bất cập dẫn đến phát sinh đơn.

- Khối lượng công việc cho công tác quản lý, công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trên địa bàn phát sinh lớn, cùng thời điểm; thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định chỉ là 30 ngày, trong khi nhân sự chưa đáp ứng, một số phát sinh trong quy trình giải quyết đơn chưa được quy định rõ ràng dẫn đến việc giải

quyết đơn khiếu nại còn quá hạn.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, CÔNG TÁC NĂM 2024

- Duy trì và tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân; Lồng ghép tuyên truyền pháp luật về khiếu nại, tố cáo trong quá trình thực hiện công tác tiếp công dân.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị; Nghị định số 64/2004/NĐ-CP của Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo trên địa bàn huyện.

- Tập trung rà soát, đẩy nhanh tiến độ giải quyết đơn các loại đảm bảo thời hạn giải quyết theo quy định; tập trung giải quyết các đơn khiếu nại, đơn tố cáo trong năm 2024, tiếp tục rà soát, xử lý dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài; tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành xong.

- Tiếp tục cập nhật, vận hành phần mềm tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo phát sinh trên địa bàn.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác tiếp dân và công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo quý IV/2023 trên địa bàn huyện Nhon Trạch./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Ban Dân vận Huyện ủy;
- VP. Huyện ủy;
- Thanh tra huyện;
- Ban Tiếp Công dân huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TH (TD).



Nguyễn Thế Phong